

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-PT
Ngày 19 - 06 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lưỡng

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Việt Thanh

Ông Nguyễn Tử Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Len, Thẩm tra viên, Tòa án tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

N đơn: Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm H, xã H1, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Xóm 3, xã Đ1, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Người kháng cáo: Bị đơn - Chị Trần Thị L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Xóm 3, xã Đ1, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh Đ, chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/12/2017 và bản tự khai ngày 15/12/2017, N đơn là anh Lưu Văn Đ trình bày:

Anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, anh Đ, chị L chung sống tại xóm H, xã H1, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng anh Đ, chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày một gia tăng. Đầu năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị L đã về nhà mẹ đẻ ở xóm 3, xã Đ1, huyện K, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Anh Đ sống ly thân với chị L từ đó đến nay.

Anh Đ xác định vợ chồng đã sống ly thân một khoảng thời gian dài, chị L và anh Đ cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Đ và Chị L có 02 con chung là cháu Lưu Ngọc L1 sinh ngày 20/11/2001 và cháu Lưu Khôi N sinh ngày 23/5/2009. Hiện nay cả 02 cháu Lưu Ngọc L1 và cháu Lưu Khôi N đang ở với chị L. Khi ly hôn, anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập của anh Đ khoảng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) một tháng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên hòa giải ngày 24/01/2018 và phiên hòa giải ngày 31/01/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Lưu Ngọc L1 và cháu Lưu Khôi N, anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng cho một cháu (02 cháu là 3.000.000 đồng) một tháng từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/12/2017, bị đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống đúng như anh Đ trình bày. Tuy nhiên, chị L cho rằng N nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ rượu, chè, cờ bạc và có quan hệ với nhiều phụ nữ khác. Từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Do không chịu được cảnh bạo lực gia đình về thể xác và tinh thần nên đầu năm 2015 chị L cùng 02 con đã về nhà mẹ đẻ ở xóm 3, xã Định Hóa, huyện K, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Chị L và anh Đ sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn chị L không nhất trí ly hôn với anh Đ vì chị L không muốn làm ảnh hưởng đến cuộc sống con cái sau này. Chị L chỉ muốn ly thân không ly hôn vì con cái cần có cha có mẹ. Nếu anh Đ cương quyết ly hôn thì phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị L.

Về con chung: Chị L xác nhận Anh Đ và Chị L có 02 con chung là cháu Lưu Ngọc L1 sinh ngày 20/11/2001 và cháu Lưu Khôi N sinh ngày 23/5/2009. Hiện nay cả 02 cháu Lưu Ngọc L1 và cháu Lưu Khôi N đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.000.000 đồng (02 cháu là 4.000.000 đồng) một tháng.

Tại phiên hòa giải ngày 24/01/2018 và phiên hòa giải ngày 31/01/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm chị L đồng ý với anh Đ để chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Lưu Ngọc L1 và cháu Lưu Khôi N, anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng cho một cháu (02 cháu là 3.000.000 đồng) một tháng nhưng yêu cầu anh Đ phải thanh toán một lần số tiền cấp dưỡng nuôi con từ khi các con 01 tuổi đến khi các con đủ 18 tuổi với số tiền là 648.000.000 đồng. Nếu anh Đ không thanh toán cho chị L số tiền 648.000.000 đồng thì chị L không đồng ý ly hôn.

Về tài sản, công nợ chung: chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

1. Xử lý hôn giữa anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị L.

2. Giao chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cả hai con chung là Lưu Ngọc L1 sinh ngày 20/11/2001 và Lưu Khôi N sinh ngày 23/5/2009 đến khi thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3. Anh Lưu Văn Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị L 3.000.000 đồng/02 con/tháng. Cụ thể: cháu Lưu Ngọc L1 1.500.000^d/tháng kể từ tháng 04/2018 cho đến khi thành niên; cháu Lưu Khôi N1 1.500.000^d/tháng kể từ tháng 04/2018 cho đến khi thành niên.

4. Bác yêu cầu của chị L buộc anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho cả hai con chung từ 01 tuổi đến khi con chung thành niên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2018, bị đơn chị Trần Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý với quyết định xử lý hôn vì tương lai của các cháu. Nếu anh Đ cố tình ly hôn thì phải đóng góp số tiền nuôi con cho chị L là 1.500.000 đồng cho một cháu (02 cháu là 3.000.000 đồng) một tháng nhưng yêu cầu anh Đ phải thanh toán một lần số tiền cấp dưỡng nuôi con từ khi năm 2015 đến khi các con trưởng thành với số tiền là 307.500.000 đồng. Nếu anh Đ không thanh toán cho chị L số tiền 307.500.000 đồng thì chị L đề nghị cấp phúc thẩm xử bác đơn ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ N yêu cầu kháng cáo. Tại phần tranh tụng ở phiên tòa hôm nay, Chị L đề nghị Tòa án buộc anh Đ phải thanh toán ngay số

tiền nuôi con từ năm 2015 đến nay là 41 tháng x 3.000.000 đồng = 123.000.000 đồng và buộc anh Đ cấp dưỡng hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai cháu từ nay cho đến khi các cháu trưởng thành nếu không thì chị không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giữ N án sơ thẩm. Tại phần tranh tụng ở phiên tòa, anh Đ có đề nghị với thu nhập hiện tại là khoảng 5.000.000 đồng / tháng, anh Đ không thể đáp ứng yêu cầu của chị L. Nếu cố gắng anh Đ cũng chỉ có thể thêm mỗi tháng 500.000 đồng đóng góp nuôi con chung với chị L, không thể có tiền để đóng góp một lần như chị L đề nghị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Sửa án sơ thẩm tăng mức cấp dưỡng nuôi con buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mỗi tháng là 3.500.000 đồng cho cả hai cháu. Án phí phúc thẩm chị L không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị L làm và nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị L như sau:

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm chị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý với quyết định xử ly hôn vì tương lai của các cháu. Nếu anh Đ cố tình ly hôn thì phải đóng góp số tiền nuôi con cho chị L là 1.500.000 đồng cho một cháu (02 cháu là 3.000.000 đồng) một tháng nhưng yêu cầu anh Đ phải thanh toán một lần số tiền cấp dưỡng nuôi con từ khi năm 2015 đến khi các con trưởng thành với số tiền là 307.500.000 đồng. Nếu anh Đ không thanh toán cho chị L số tiền 307.500.000 đồng thì chị L đề nghị cấp phúc thẩm xử bác đơn ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ N yêu cầu kháng cáo. Tại phần tranh tụng ở phiên tòa hôm nay, Chị L đề nghị Tòa án buộc anh Đ phải thanh toán ngay số tiền nuôi con từ năm 2015 đến nay là 41 tháng x 3.000.000 đồng = 123.000.000 đồng và buộc anh Đ cấp dưỡng hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai cháu từ nay cho đến khi các cháu trưởng thành, nếu không thì chị L không đồng ý ly hôn. Với nội dung kháng cáo và đề nghị của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Đ và chị L đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày một gia tăng. Đầu năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng chị L đã về nhà mẹ đẻ ở xóm 3, xã Đ1, huyện K, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Anh Đ, chị L sống ly thân nhau

từ đó đến nay. Anh Đ, chị L đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định anh Đ, chị L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều kiện chị L đặt ra cho anh Đ để đồng ý ly hôn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tại cấp sơ thẩm, anh Đ và chị L đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con là chị L, Mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng cho một cháu mỗi tháng, nhưng không thống nhất được thời điểm cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định phương thức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng là từ tháng 4/2018 đến khi các cháu trưởng thành. Các quyết định trên của cấp sơ thẩm dựa trên cơ sở thu nhập, khả năng thực tế của anh Đ và nhu cầu thiết yếu của việc nuôi dạy trẻ ở địa phương là đúng quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Yêu cầu kháng cáo và đề nghị của chị L tại phiên tòa phúc thẩm: Buộc anh Đ phải thanh toán ngay số tiền nuôi con từ năm 2015 đến nay là 41 tháng x 3.000.000 đồng = 123.000.000 đồng và buộc anh Đ cấp dưỡng hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai cháu từ nay cho đến khi các cháu trưởng thành nếu không thì chị không đồng ý ly hôn là không phù hợp, vượt quá thu nhập của anh Đ tại thời điểm hiện tại nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa án sơ thẩm tăng mức cấp dưỡng nuôi con buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mỗi tháng là 3.500.000 đồng cho cả hai cháu dựa trên đề xuất của anh Đ tại phần tranh tụng ở phiên tòa, trong khi các đương sự không thống nhất được với nhau về các nội dung kháng cáo là trái với thỏa thuận của các đương sự ở cấp sơ thẩm và không phù hợp với thực tế thu nhập của anh Đ tại thời điểm hiện tại nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị L không được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ N bản án sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình cụ thể như sau:

1.1. Xử cho ly hôn giữa anh Lưu Văn Đ và chị Trần Thị L.

1.2. Giao chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục hai cháu: Lưu Ngọc L1 sinh ngày 20/11/2001; Lưu Khôi N sinh ngày 23/5/2009 sau khi ly hôn; anh Lưu Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L; chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của anh Đ; anh Đ, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

1.3. Anh Lưu Văn Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị L 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/02 con/tháng. Cụ thể: cháu Lưu Ngọc L1 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng kể từ tháng 04/2018 cho đến khi thành niên; cháu Lưu Khôi N 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng kể từ tháng 04/2018 cho đến khi thành niên.

1.4. Bác yêu cầu của chị L buộc anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho cả hai con chung từ 01 tuổi đến khi con chung thành niên.

1.5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lưu Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2013/0002759 ngày 15/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh Đ còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2013/0002833 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 19 tháng 06 năm 2018.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Tòa án nhân dân huyện K;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện K
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Huy Lương